

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

Báo cáo tài chính riêng quý

Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Điều hành	2
Bảng cân đối kế toán riêng quý	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng quý	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng quý	6
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng quý	7
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng quý	8 - 30

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty"), trước đây là Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc, là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 15/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006, và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 32/GPĐC-UBCK cấp ngày 27/05/2021 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("TVS") được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 36/UBCK-GPHDKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, đã mua 99,2% cổ phần của Công ty và trở thành công ty mẹ vào ngày 13 tháng 02 năm 2015. Tại ngày 19 tháng 11 năm 2020, TVS mua thêm 10.000.000 cổ phiếu phát hành riêng lẻ, tăng tỉ lệ sở hữu tại Công ty lên 99,84%.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BAN ĐIỀU HÀNH

Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và tới ngày lập báo cáo tài chính riêng quý này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thanh Thảo	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2020
Ông Jonathan Charles Eames	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2020
Ông Trần Vinh Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2020

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và tới ngày lập báo cáo tài chính riêng quý này là ông Trần Vinh Quang tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2020.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tới ngày lập báo cáo tài chính riêng quý này là bà Nguyễn Thanh Thảo - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Trần Vinh Quang - Tổng Giám đốc được ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng quý kèm theo cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 theo Giấy Ủy quyền số 2020.02/UQ-HĐQT ngày 01 tháng 5 năm 2019.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng quý, kết quả hoạt động kinh doanh riêng quý, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng quý và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng quý của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Điều hành cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng quý; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng quý trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng quý của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đang áp dụng. Ban Điều hành Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng quý cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính riêng quý kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng quý của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng quý, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng quý và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng quý cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày 30 tháng 9 năm 2022 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng quý.

Công ty có công ty con như được trình bày trong *Thuyết minh 1* trên báo cáo tài chính riêng quý. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng quý này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất quý của Công ty và công ty con cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 ("báo cáo tài chính hợp nhất quý") đề ngày 20 tháng 10 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng quý nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất quý nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất quý, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất quý của Công ty và công ty con.

Thay mặt Ban Điều hành:


Ông Trần Vinh Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 10 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG QUÝ
tại ngày 30 tháng 9 năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		85.869.871.297	172.429.320.451
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	4.447.451.692	21.772.345.356
111	1. Tiền		4.447.451.692	3.772.345.356
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	18.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		70.563.329.320	49.743.658.434
121	1. Đầu tư ngắn hạn	5	70.563.329.320	49.743.658.434
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		10.721.378.466	100.898.991.861
132	1. Trả trước cho người bán		40.177.500	71.527.500
134	2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	6	10.678.200.966	100.822.393.130
135	3. Các khoản phải thu khác		3.000.000	5.071.231
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		137.711.819	14.324.800
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	137.711.819	14.324.800
154	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		166.200.742.277	86.163.739.636
220	I. Tài sản cố định	8	47.911.994	27.209.537
221	Tài sản cố định hữu hình		47.911.994	27.209.537
222	- Nguyên giá		64.357.000	30.797.000
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(16.445.006)	(3.587.463)
250	II. Đầu tư tài chính dài hạn		165.872.850.000	85.872.850.000
251	1. Đầu tư vào Công ty con	9.1	164.800.000.000	84.800.000.000
258	2. Đầu tư dài hạn khác	9.2	1.072.850.000	1.072.850.000
260	III. Tài sản dài hạn khác		279.980.283	263.680.099
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	246.636.166	174.738.229
268	2. Tài sản dài hạn khác	11	33.344.117	88.941.870
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		252.070.613.574	258.593.060.087
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		9.602.294.792	29.225.819.687
310	I. Nợ ngắn hạn		9.602.294.792	29.225.819.687
313	1. Người mua trả tiền trước	12	858.280.000	-
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	2.947.847.599	23.236.949.821
315	3. Phải trả người lao động		-	5.282.023.062
316	4. Chi phí phải trả	12	125.000.000	70.000.000
319	5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		-	8.452.500
323	6. Quỹ khen thưởng phúc lợi		5.671.167.193	628.394.304
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		242.468.318.782	229.367.240.400
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	14.1	125.000.000.000	125.000.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính	14.2	1.755.891.311	1.755.891.311
419	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	14.2	1.755.891.311	1.755.891.311
420	4. Lợi nhuận chưa phân phối	14.2	113.956.536.160	100.855.457.778
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		252.070.613.574	258.593.060.087

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 9 năm 2022

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG QUÝ

Mã số	CHỈ TIÊU		Ngày 30 tháng 9 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
006	1. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		12.500.000.000	22.400.000.000
007	- Chứng khoán giao dịch		12.500.000.000	22.400.000.000
030	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác		69.061.362.332	56.361.664.402
031	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	22	69.061.362.332	56.361.664.402
040	Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	23	7.172.407.123.242	4.750.552.570.399
041	Nhà đầu tư ủy thác		7.172.407.123.242	4.750.552.570.399
050	Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	24	1.034.001.586.276	79.576.521.382
051	Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	25	36.839.640.894	75.144.365.290



Bà Phạm Uyên Vy
Người lập



Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng



Ông Trần Vinh Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 10 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG QUÝ
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 03/2022 VND	Quý 03/2021 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 VND
01	1. Doanh thu	15	7.083.636.964	7.442.534.231	21.553.160.755	22.186.235.068
10	2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		7.083.636.964	7.442.534.231	21.553.160.755	22.186.235.068
11	3. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	16	(2.459.511.210)	(2.309.694.842)	(8.126.533.781)	(11.362.820.631)
20	4. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		4.624.125.754	5.132.839.389	13.426.626.974	10.823.414.437
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	17	1.968.179	10.787.822	12.209.990.521	21.459.893.709
22	6. Chi phí hoạt động tài chính		-	-	(969.934.317)	-
25	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	(908.956.503)	(1.406.028.056)	(1.981.887.399)	(2.390.652.266)
30	8. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh		3.717.137.430	3.737.599.155	22.684.795.779	29.892.655.880
31	9. Thu nhập khác		-	(8.376.462)	-	-
32	10. Chi phí khác		-	(8.376.462)	(6.691)	(68.376.462)
40	11. Lợi nhuận khác		-	-	(6.691)	(68.376.462)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.717.137.430	3.729.222.693	22.684.789.088	29.824.279.418
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	19.2	(743.427.486)	(747.519.831)	(4.540.937.817)	(5.978.531.176)
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		2.973.709.944	2.981.702.862	18.143.851.271	23.845.748.242
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20	238	239	1.452	1.908

James

Bà Phạm Uyên Vy
Người lập

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 10 năm 2022

Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng

Ông Trần Vinh Quang
Tổng Giám đốc





Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG QUÝ
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		22.684.789.088	29.824.279.418
	<i>Điều chỉnh:</i>			(21.458.872.662)
02	1. Khấu hao tài sản cố định	8	12.857.543	1.021.047
03	2. Các khoản dự phòng		-	-
05	3. Lãi từ hoạt động đầu tư		(11.242.127.435)	(21.459.893.709)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động		11.455.519.196	8.365.406.756
09	1. Giảm các khoản phải thu		90.233.211.148	4.665.830.169
11	2. (Giảm)/tăng các khoản phải trả		(7.112.985.008)	1.999.943.690
12	3. Tăng chi phí trả trước		(195.284.956)	(16.018.959.853)
14	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12	(22.094.250.593)	(4.649.139.803)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		72.286.209.787	(5.636.919.041)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi mua sắm xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(33.560.000)	(30.797.000)
25	2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(172.635.035.200)	(19.148.250.000)
26	3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		70.929.122.049	37.001.085.800
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		12.128.369.700	8.698.884.621
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(89.611.103.451)	26.520.923.421
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(6.250.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	(6.250.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(17.324.893.664)	14.634.004.380
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	4	21.772.345.356	4.081.759.228
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	4.447.451.692	18.715.763.608


Bà Phạm Uyên Vy
Người lập


Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng


Ông Trần Vinh Quang
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 10 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU RIÊNG QUÝ tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B05a-CTQ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu kỳ		Số tăng/(giảm) trong kỳ				Số cuối kỳ	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2021 VND	Ngày 1 tháng 1 năm 2022 VND	Đến 30/09/2021		Đến 30/09/2022		Ngày 30 tháng 09 năm 2021 VND	Ngày 30 tháng 9 năm 2022 VND
				Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	14.1	125.000.000.000	125.000.000.000					125.000.000.000	125.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	14.2	1.755.891.311	1.755.891.311					1.755.891.311	1.755.891.311
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	14.2	1.755.891.311	1.755.891.311					1.755.891.311	1.755.891.311
4. Lợi nhuận chưa phân phối	14.2	6.830.139.095	100.855.457.778	23.845.748.242	(6.503.307.225)	18.143.851.271	(5.042.772.889)	24.172.580.112	113.956.536.160
TỔNG CỘNG		135.341.921.717	229.367.240.400	23.845.748.242	(6.503.307.225)	18.143.851.271	(5.042.772.889)	152.684.362.734	242.468.318.782

Signature

Bà Phạm Uyên Vy
Người lập

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 10 năm 2022

Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng

Ông Trần Vinh Quang
Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

B09a-CTQ

tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty"), trước đây là Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc, là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 15/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006, và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 32/GPĐC-UBCK cấp ngày 27/05/2021 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("TVS") được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 36/UBCK-GPHDKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, đã mua 99,2% cổ phần của Công ty và trở thành công ty mẹ vào ngày 13 tháng 02 năm 2015. Tại ngày 19 tháng 11 năm 2020, TVS mua thêm 10.000.000 cổ phiếu phát hành riêng lẻ, tăng tỉ lệ sở hữu tại Công ty lên 99,84%.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 là 15 người (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 13 người).

Công ty con

Công ty có công ty con là Công ty cổ phần Finsight với tỷ lệ sở hữu 91,37% (tương đương giá trị 164.800.000.000 đồng vốn góp).

Công ty Cổ Phần Finsight là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 0316449345 cấp ngày 20 tháng 8 năm 2020 do Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty con là hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính, hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn pháp luật); các hoạt động thỏa thuận và giải quyết các giao dịch tài chính; hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn pháp luật); hoạt động trung gian thanh toán; lập trình máy vi tính; tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan; cổng thông tin (trừ các thông tin Nhà nước cấm và hoạt động báo chí); nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận.

Công ty con có trụ sở tại Lầu 7, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 03, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng Quý 03/2022 của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 2);

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ (tiếp theo)

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng* (tiếp theo)

- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng quý được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng quý, kết quả hoạt động kinh doanh riêng quý và lưu chuyển tiền tệ riêng quý theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng quý bắt đầu từ ngày 1 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng lập báo cáo tài chính riêng hàng quý và giữa niên độ theo quy định của Thông tư 99/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

2.5 *Mục đích lập báo cáo tài chính riêng quý*

Công ty có một công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh 1*. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng quý này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất quý của Công ty và công ty con cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 ("báo cáo tài chính hợp nhất quý") đề ngày 20 tháng 10 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính nên đọc báo cáo tài chính riêng quý này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất quý nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất quý, kết quả hoạt động hợp nhất quý, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất quý của Công ty và công ty con.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng quý được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng quý cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và báo cáo tài chính riêng quý cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021, trừ các thay đổi sau:

Thông tư số 114/2021/TT-BTC bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ ("Thông tư 114").

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 114, Các thay đổi chủ yếu của Thông tư 114 bao gồm:

- ▶ Quy định việc xác định trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi sẽ được công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài được cấp giấy phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);
- ▶ Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC; sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành;
- ▶ Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC; sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty theo quy định hiện hành.

Thông tư số 24/2022/TT-BTC ("Thông tư số 24") ngày 07 tháng 4 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ("Thông tư số 48") ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

Thông tư số 24 có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 5 năm 2022 sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng lập dự phòng, theo đó, đối tượng lập dự phòng là các loại chứng khoán do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành theo quy định của pháp luật, thuộc sở hữu của doanh nghiệp, đang được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước, được tự do mua bán trên thị trường và giá chứng khoán thực tế trên thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán.

Đối tượng lập dự phòng không bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản đầu tư vào những chứng khoán nhằm mục đích kinh doanh ("chứng khoán thương mại").

Chứng khoán thương mại là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Chứng khoán thương mại được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Đầu tư tài chính dài hạn khác

Chứng khoán và đầu tư vào công ty con và công ty khác được lập dự phòng giảm giá theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 08 tháng 8 năm 2019 hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp ("Thông tư 48") và Thông tư số 24/2022/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 07 tháng 4 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ("Thông tư 24").

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng quý trên khoản mục "*Chi phí tài chính*".

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng quý theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được doanh nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 8 năm 2019 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động riêng quý giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động riêng quý giữa niên độ.

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 năm
------------------	-------

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng quý và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu chuyển đổi, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.9 Lợi ích của nhân viên

3.9.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác (kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 đến ngày 30 tháng 9 năm 2022, tỷ lệ này là 17%). Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

3.9.2 Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 46 Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Lợi ích của nhân viên (tiếp theo)

3.9.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp (kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2021 đến ngày 30 tháng 9 năm 2022, tỷ lệ này là 0%) và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Phí quản lý

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

3.11 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động riêng quý ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng quý.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên toàn Công ty.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng quý, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu từ hoạt động quản lý quỹ và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng quý, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng quý, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ, Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu. Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.14 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính riêng quý này theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi tại các ngân hàng.

	Ngày 30 tháng 9 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Tiền mặt	54,622,499	66.172.142
Tiền gửi không kì hạn	4,392,829,193	3.706.173.214
Tiền gửi có kì hạn không quá ba (3) tháng	-	18.000.000.000
	4.447.451.692	21.772.345.356

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 9 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Công ty Cổ Phần Finhay Việt Nam	36.736.781.320	24.957.658.434
Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 2	-	24.786.000.000
Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 3	13.125.000.000	-
Trái phiếu niêm yết	20.701.548.000	-
	70.563.329.320	49.743.658.434

6. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	Ngày 30 tháng 9 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Phải thu phí quản lý Quỹ ĐTCK	481.606.513	-
Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	10.196.594.453	82.214.633.634
Phải thu phí quản lý Quỹ	-	18.490.246.496
Phải thu hoạt động nghiệp vụ khác	-	117.513.000
	10.678.200.966	100.822.393.130

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 9 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Phí bảo hiểm xe	-	8.475.200
Bảo hiểm nhân viên	13.114.242	-
Khác	124.597.577	5.849.600
	137.711.819	14.324.800

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH

	<i>Máy móc thiết bị</i> <u>VND</u>
Nguyên giá	
Số đầu kỳ	30.797.000
Mua trong kỳ	<u>33.560.000</u>
Số cuối kỳ	<u>64.357.000</u>
Khấu hao lũy kế	
Số đầu kỳ	3.587.463
Khấu hao trong kỳ	<u>12.857.543</u>
Số cuối kỳ	<u>16.445.006</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu kỳ	<u>27.209.537</u>
Số cuối kỳ	<u>47.911.994</u>

9. ĐẦU TƯ DÀI HẠN

9.1 Đầu tư vào Công ty con

	Số lượng cổ phiếu		Giá trị theo sổ sách	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Ngày 30 tháng 9 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Công ty cổ phần Finsight (*)	<u>16.480.000</u>	<u>8.480.000</u>	<u>164.800.000.000</u>	<u>84.800.000.000</u>
	<u>16.480.000</u>	<u>8.480.000</u>	<u>164.800.000.000</u>	<u>84.800.000.000</u>

(*) Trong kỳ, Công ty đã tiến hành mua thêm 8.000.000 cổ phần phổ thông của Công ty cổ phần Finsight theo Nghị quyết số 3003/2022/NQ-DHCD, nâng tổng số lượng cổ phiếu tại công ty con lên 16.480.000 cổ phiếu với tỷ lệ sở hữu tổng cộng là 91,37%.

9.2 Đầu tư dài hạn khác

	<i>Ngày 30 tháng 9</i> <i>năm 2022</i> <u>VND</u>	<i>Ngày 31 tháng 12</i> <i>năm 2021</i> <u>VND</u>
Công ty CP Xếp hạng tín nhiệm Thiên Minh	<u>1.072.850.000</u>	<u>1.072.850.000</u>

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 9 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Công cụ, dụng cụ	111.274.187	117.813.508
Khác	135.361.979	56.924.721
	246.636.166	174.738.229

11. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 9 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Đặt cọc taxi	15.000.000	15.000.000
Đặt cọc phí lưu ký	17.344.117	72.941.870
Khác	1.000.000	1.000.000
	33.344.117	88.941.870

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Ngày 30 tháng 9 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Người mua trả tiền trước	858.280.000	-

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 01 tháng 01 năm 2022 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Ngày 30 tháng 9 năm 2022 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.394.250.594	4.540.937.817	(22.094.250.593)	2.840.937.818
Thuế thu nhập cá nhân	2.832.016.227	4.301.700.425	(7.026.806.871)	106.909.781
Thuế GTGT đầu ra	10.683.000	-	(10.683.000)	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	23.236.949.821	8.845.638.242	(29.134.740.464)	2.947.847.599

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

14. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

14.1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 30 tháng 9 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Vốn góp VND	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn góp VND	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	124.800.000.000	99,84	124.800.000.000	99,84
Trần Vĩnh Quang	100.000.000	0,08	100.000.000	0,08
Lê Quang Tiến	100.000.000	0,08	100.000.000	0,08
	125.000.000.000	100,00	125.000.000.000	100,00

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu phổ thông của Công ty là 10.000 VND.

14.2 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong kỳ

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận đã thực hiện VND	Tổng cộng VND
Số đầu năm	125.000.000.000	1.755.891.311	1.755.891.311	100.855.457.778	229.367.240.400
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	18.143.851.271	18.143.851.271
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ	-	-	-	(5.042.772.889)	(5.042.772.889)
	125.000.000.000	1.755.891.311	1.755.891.311	113.956.536.160	242.468.318.782

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

15. DOANH THU THUẦN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<i>Giai đoạn từ 01/7/2022 đến 30/9/2022 VND</i>	<i>Giai đoạn từ 01/7/2021 đến 30/9/2021 VND</i>
Phí quản lý đầu tư	149.647.516	656.787.811
Phí quản lý danh mục đầu tư	5.906.411.267	3.915.487.069
Phí quản lý Quỹ	1.027.578.181	880.179.351
Khác	-	1.990.080.000
	<u>7.083.636.964</u>	<u>7.442.534.231</u>

16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<i>Giai đoạn từ 01/7/2022 đến 30/9/2022 VND</i>	<i>Giai đoạn từ 01/7/2021 đến 30/9/2021 VND</i>
Chi phí nhân viên	1.835.413.068	1.593.923.315
Chi phí đồ dùng văn phòng	65.384.008	31.402.630
Chi phí thuê văn phòng	132.542.955	114.870.619
Chi phí khấu hao	2.796.666	-
Thuế, phí và lệ phí	-	16.606.320
Chi phí dịch vụ mua ngoài	123.120.220	552.334.958
Chi phí bằng tiền khác	300.254.293	557.000
	<u>2.459.511.210</u>	<u>2.309.694.842</u>

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Giai đoạn từ 01/7/2022 đến 30/9/2022 VND</i>	<i>Giai đoạn từ 01/7/2021 đến 30/9/2021 VND</i>
Lãi tiền gửi	<u>1.968.179</u>	<u>10.787.822</u>

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Giai đoạn từ 01/7/2022 đến 30/9/2022 VND</i>	<i>Giai đoạn từ 01/7/2021 đến 30/9/2021 VND</i>
Chi phí nhân viên quản lý	528.642.044	340.790.785
Chi phí vật liệu quản lý	4.323.240	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	5.443.749	4.572.917
Chi phí khấu hao	2.566.416	1.021.047
Thuế, phí và lệ phí	42.125.241	1.221.409
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.238.101	2.142.298
Chi phí khác	321.617.712	1.056.279.600
	<u>908.956.503</u>	<u>1.406.028.056</u>

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty tạm tính thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 20% lợi nhuận tính thuế trong kỳ theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng quý có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

19.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng quý vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán quý.

19.2 Chi phí Thuế TNDN hiện hành

	Giai đoạn từ 01/7/2022 đến 30/9/2022 VND	Giai đoạn từ 01/7/2021 đến 30/9/2021 VND
Lợi nhuận thuần trước thuế	3.717.137.430	3.729.222.693
Thuế TNDN theo thuế suất (20%)	743.427.486	747.519.831
Chi phí thuế TNDN ước tính	<u>743.427.486</u>	<u>747.519.831</u>

20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lãi thuần phân bổ cho các cổ đông của Công ty chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ. Thông tin sau được sử dụng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty:

	Giai đoạn từ 01/7/2022 đến 30/9/2022 VND	Giai đoạn từ 01/7/2021 đến 30/9/2021 VND
Lãi thuần phân bổ cho các cổ đông của Công ty (đồng)	2.973.709.944	2.981.702.862
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	12.500.000	12.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	238	239

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 9</i>	<i>Ngày 30 tháng 09</i>
			<i>năm 2022</i>	<i>năm 2021</i>
			<i>VND</i>	<i>VND</i>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	Công ty mẹ	Thu phí quản lý danh mục đầu tư	3.133.085.130	3.965.983.956
		Tăng tiền gửi ủy thác	1.564.125.862.545	1.486.910.546.866
		Giảm tiền gửi ủy thác	(1.555.412.040.714)	(1.455.452.132.105)
Công ty CP Finsight	Công ty con	Phí quản lý danh mục đầu tư	1.184.558.097	315.000.000
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM	Bên liên quan	Chi trả cổ tức	-	4.800.000.000
		Thu phí quản lý Quỹ	-	8.238.639.413
		Lãi từ thanh lý đóng quỹ	-	12.761.085.800
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2	Bên liên quan	Chi trả cổ tức	11.200.000.000	3.880.000.000
		Thu phí quản lý Quỹ	375.553.294	1.812.784.246
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3	Bên liên quan	Thu phí quản lý Quỹ	1.656.957.743	255.972.930
		Thu phí phát hành CCQ TVGF3		1.990.080.000
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 4	Bên liên quan	Thu phí quản lý Quỹ	505.591.400	-
		Thu phí phát hành CCQ TVGF4	2.006.000.000	-
Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc	Ban điều hành	Lương, phụ cấp và thù lao	999.900.000	999.900.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2022, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 9</i>	<i>Ngày 31 tháng</i>
			<i>năm 2022</i>	<i>12 năm 2021</i>
			<i>VND</i>	<i>VND</i>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	Công ty mẹ	Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư Đặt cọc phí lưu ký	-	55.562.756.695 72.941.870
Công ty Cổ Phần Finsight	Bên liên quan	Đầu tư ngắn hạn	164.800.000.000	84.800.000.000
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2	Bên liên quan	Đầu tư ngắn hạn Phí quản lý Quỹ	-	24.786.000.000 18.490.246.496
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3	Bên liên quan	Phí quản lý Quỹ Đầu tư ngắn hạn	13.125.000.000	-

22. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	<i>Ngày 30 tháng 9</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i>
	<i>năm 2022</i>	<i>năm 2021</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Số dư đầu kỳ	56.361.664.402	98.800.316.514
Tăng trong kỳ	17.131.004.719.597	14.312.954.025.985
Giảm trong kỳ	(17.118.305.021.667)	(14.355.392.678.097)
Số cuối kỳ	69.061.362.332	56.361.664.402

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

23. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2022 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND</i>
Cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch	617.809.554.641	389.936.369.783
<i>Trong đó, các cổ phiếu bị suy giảm giá trị:</i>		
ACB	36.890.853.560	-
BVH	16.249.501.426	-
DPR	16.222.751.300	-
DXG	2.793.731.506	-
DXS	30.576.835.048	-
PLX	18.206.462.795	24.384.932.728
TCB	58.146.887.643	56.801.534.574
VCB	2.407.876.992	-
VNM	3.588.255.513	50.498.682.088
DMC	-	27.037.733
VPB	65.261.572.382	
CTD	2.867.000.000	-
PVP	39.704.379.145	46.069.920.000
Các loại mã chứng khoán khác	330.139.455.040	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	85.138.707.141	31.479.897.337
Chứng chỉ quỹ	666.212.956.176	714.374.355.358
Trái phiếu niêm yết	424.919.942.041	51.262.065.068
Trái phiếu chưa niêm yết	4.610.308.873.615	3.429.561.139.352
Chứng chỉ tiền gửi	644.017.089.628	133.195.743.501
Hợp đồng tiền gửi	124.000.000.000	743.000.000
	<u>7.172.407.123.242</u>	<u>4.750.552.570.399</u>

24. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2022 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND</i>
Phải thu lãi tiền gửi	229.491.616.834	76.347.932.127
Phải thu bán chứng khoán	9.022.449.442	2.181.283.655
Phải thu cổ tức	2.387.520.000	1.047.305.600
Phải thu khác, tài sản khác	793.100.000.000	-
	<u>1.034.001.586.276</u>	<u>79.576.521.382</u>

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

25. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 30 tháng 9 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Phải trả phí quản lý danh mục	10.680.760.301	60.814.791.349
Phải trả tiền mua chứng khoán	25.991.000.000	14.217.920.000
Phải trả phí khác	167.880.593	111.653.941
	36.839.640.894	75.144.365.290

26. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng và nhà theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại Ngày 30 tháng 9 năm 2022, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngày 30 tháng 9 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Dưới 1 năm	53.098.582	530.172.300
Từ 1 đến 5 năm		441.810.250
	53.098.582	971.982.550

27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

27.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

27.1 *Rủi ro thị trường*

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

27.2 *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

27.3 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Điều hành cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

27.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty:

	Bất kỳ thời điểm nào VND	Dưới 3 tháng VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 30 tháng 9 năm 2022				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.447.451.692	-	-	4.447.451.692
Đầu tư ngắn hạn	70.563.329.320	-	-	70.563.329.320
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	10.678.200.966	-	10.678.200.966
Các khoản phải thu khác	-	-	3.000.000	3.000.000
Đầu tư vào Công ty con	-	-	164.800.000.000	164.800.000.000
Đầu tư dài hạn khác	-	-	1.072.850.000	1.072.850.000
Tài sản dài hạn khác	-	33.344.117	-	33.344.117
	75.010.781.012	10.711.545.083	165.875.850.000	251.598.176.095
Nợ phải trả tài chính				
Người mua trả tiền trước	-	858.280.000	-	858.280.000
Chi phí phải trả	-	125.000.000	-	125.000.000
	-	983.000,000	-	983,000,000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

27.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	Bất kỳ thời điểm nào	Dưới 3 tháng	Trên 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2021				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.772.345.356	18.000.000.000	-	21.772.345.356
Đầu tư ngắn hạn	49.743.658.434	-	-	49.743.658.434
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	100.822.393.130	-	100.822.393.130
Đầu tư vào Công ty con	-	-	84.800.000.000	84.800.000.000
Đầu tư dài hạn khác	-	-	1.072.850.000	1.072.850.000
Các khoản phải thu khác	-	-	5.071.231	5.071.231
Tài sản dài hạn khác	-	88.941.870	-	88.941.870
	53.516.003.790	118.911.335.000	85.877.921.231	258.305.260.021
Nợ phải trả tài chính				
Chi phí phải trả	-	78.452.500	-	78.452.500

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

28. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính riêng quý của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 30 tháng 09 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 30 tháng 09 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.447.451.692	21.772.345.356	4.447.451.692	21.772.345.356
Đầu tư ngắn hạn	70.563.329.320	49.743.658.434	74.000.829.320	60.797.658.434
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	10.678.200.966	100.822.393.130	10.678.200.966	100.822.393.130
Đầu tư vào Công ty con	164.800.000.000	84.800.000.000	164.800.000.000	84.800.000.000
Đầu tư dài hạn khác	1.072.850.000	1.072.850.000	1.072.850.000	1.072.850.000
Các khoản phải thu khác	3.000.000	5.071.231	3.000.000	5.071.231
Tài sản dài hạn khác	33.344.117	88.941.870	33.344.117	88.941.870
	251.598.176.095	258.305.260.021	255.035.676.095	269.359.260.021
Nợ phải trả tài chính				
Người mua trả tiền trước	858.280.000	-	858.280.000	-
Chi phí phải trả	125.000.000	70.000.000	125.000.000	70.000.000
	983.000,000	70.000.000	983.000,000	70.000.000

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu từ hoạt động nghiệp vụ, phải thu khác, chi phí phải trả tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do chủ yếu những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN.

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán riêng quý yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng quý



Bà Phạm Uyên Vy
Người lập



Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng



Ông Trần Vinh Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 10 năm 2022